

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2025/DS-ST
Ngày 30-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2025/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2025/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 398/2025/QĐST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Thanh V, sinh năm 1966.

Cư trú: số A, khóm N, phường L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2 Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966.

Cư trú: số 842, khóm T, xã L, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: số E, đường T, khóm B, phường B, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: số H, chung cư B, khóm T, phường L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Thanh V trình bày:

Do quen biết, ngày 10/9/2024 ông V có cho ông Nguyễn Thanh Đ vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa

thuận về lãi suất, ông Đ có viết biên nhận vào cùng ngày và giao bản chính cho ông V giữ. Quá trình vay, mặc dù không thỏa thuận lãi suất nhưng ông Đ có trả lãi cho ông V được 04 tháng (từ tháng 10/2024 đến tháng 01/2025), với số tiền 10.000.000 đồng (2.500.000 đồng/tháng), sau đó thì không trả nữa. Mặc dù, ông V đã yêu cầu ông Đ phải trả nợ nhiều lần nhưng ông Đ không thực hiện và cố tình trốn tránh, vì vậy ông V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, ông V đồng ý khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nhận vào số tiền 50.000.000 đồng còn nợ, ông xác định chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền 40.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh V. Tại phiên tòa, ông Đ tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh V, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 40.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V về yêu cầu ông Đ trả số tiền 10.000.000 đồng, do ông V rút yêu cầu. Về lãi, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Trương Thanh V khởi kiện ông Nguyễn Thanh Đ về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tại phiên tòa, ông V xác định lựa chọn Tòa án nơi ông Đ cư trú tại phường B và phường L, tỉnh An Giang giải quyết, nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về căn cứ xác định nơi cư trú của ông Nguyễn Thanh Đ, thấy rằng: Ông V khởi kiện ông Đ và cung cấp nơi cư trú của ông Đ tại số H, khóm T, xã L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số E, đường T, khóm B, phường B, tỉnh An

Giang và nơi ở hiện tại là số 845, chung cư B, khóm T, phường L, tỉnh An Giang. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ, sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn tố tụng cho ông Đ theo quy định pháp luật tại tất cả các địa chỉ trên. Đồng thời, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do Tòa án thu thập trong vụ án dân sự thụ lý số 145/2025/TLST-DS, ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang), như: Bản án số 196/2025/DS-ST, ngày 24/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang; Đơn xin hoãn phiên tòa sơ thẩm ngày 22/9/2025 của ông Nguyễn Thanh Đ; Giấy ủy quyền ngày 21/3/2025 do Văn phòng C chứng nhận; Đơn yêu cầu v/v tổng đạt các văn bản ngày 18/9/2025 của ông Nguyễn Thanh Đ; Đơn yêu cầu ngày 19/5/2025 của ông Nguyễn Thanh Đ; Căn cước công dân của ông Nguyễn Thanh Đ,... có căn cứ xác định ông Đăng cư T tại các địa chỉ như nguyên đơn cung cấp, và một trong các địa chỉ này cũng là địa chỉ mà ông Đ đã xác định tại Biên nhận nợ ngày 10/9/2024; vì vậy việc ông Đ thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho ông V biết về nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông V xác định không yêu cầu thực hiện thủ tục tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Nguyễn Thanh Đ và không đồng ý nộp tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo qua phương tiện thông tin đại chúng. Ông yêu cầu Tòa án căn cứ vào các địa chỉ ông cung cấp để giải quyết vụ án.

[1.3] Mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ tiếp tục vắng mặt không lý do, nguyên đơn ông Trương Thanh V không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Đối với, việc ông V rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Đ trả số tiền 10.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 10.000.000 đồng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trương Thanh V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ có trách nhiệm trả cho ông V số tiền 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Biên nhận ngày 10/9/2024 có xác nhận của người vay ông Nguyễn Thanh Đ.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, dù được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông V đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Ông Đ cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy ông đã từ bỏ quyền, nghĩa

vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên nhận ngày 10/9/2024 giữa bên cho vay ông Trương Thanh V với bên vay ông Nguyễn Thanh Đ để xác định giữa ông V và ông Đ có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 50.000.000 đồng, hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất và không kỳ hạn. Tại phiên tòa, ông V thừa nhận quá trình vay ông Đ có trả lãi cho ông được 04 tháng (từ tháng 10/2024 đến tháng 01/2025) với số tiền 10.000.000 đồng (2.500.000 đồng/tháng) và đồng ý khấu trừ số tiền đã nhận vào số tiền ông Đ nợ, nên ông V chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền 40.000.000 đồng. Nhận thấy, hợp đồng vay giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Đối với, số tiền 10.000.000 đồng đã trả mặc dù không có biên nhận, nhưng được ông V thừa nhận và đồng ý khấu trừ vào vốn là có lợi cho ông Đ, nên được chấp nhận. Do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên ông V khởi kiện yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Về lãi, ông V không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông Trương Thanh V không phải chịu án phí, nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh V đối với ông Nguyễn Thanh Đ.

Buộc ông Nguyễn Thanh Đ có trách nhiệm trả cho ông Trương Thanh V số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh V về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ trả số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Về án phí: Ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Thanh V được nhận lại số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004788, ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV9-AG;
- Phòng THADS KV9-AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hà Thị Chiền

